

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2019/DS-ST
Ngày: 27-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Hà

Bà Nguyễn Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 605/2018/DSST ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXX- DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2019/QĐST- DS ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T

Trụ sở : Số 89 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy Hòa, sinh năm 1987; ông Phan Văn Dậu, sinh năm 1993; Ông Võ Lê Chính Trung, sinh năm 1995 và ông Nguyễn Phan Chính Nghĩa, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Tầng 3, số 296 Phan Xích Long, phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn vắng mặt)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 22/12/2017 và số 32576/2018/UQ-VPB ngày 29/11/2018)

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng Tâm A, sinh năm 1984

Địa chỉ thường trú : Số 331/38/11 (cũ là số 15/2V) Phan Huy Ích, phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ nơi làm việc: Số 16 đường B, phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 12 năm 2017; bản tự khai và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Lê Chánh Trung trình bày:

Ngày 06/10/2014 và ngày 28/10/2015, ông Nguyễn Hồng Tâm A có làm giấy đề nghị ký phát hành thẻ kiêm hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế với mức đề nghị vay số tiền 30.000.000 đồng và 18.000.000 đồng. Ngày 16/3/2016, ông Anh lại có đơn đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với số tiền vay 57.100.000 đồng. Căn cứ vào đơn đề nghị của ông Anh, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T (gọi tắt là nguyên đơn) đã cấp tín dụng cho ông Nguyễn Hồng Tâm A (gọi tắt là bị đơn). Những hợp đồng tín dụng mà bị đơn đã ký hợp đồng với nguyên đơn là: Hợp đồng tín dụng số 6705700, giải ngân ngày 22/3/2016 số tiền vay 57.100.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng; Hợp đồng thẻ tín dụng được đánh số thứ tự là số 325-P-610114 mở ngày 03/11/2015, hạn mức tín dụng 18.000.000 đồng và hợp đồng thẻ tín dụng được đánh số thứ tự là số 325-P-065723 mở ngày 08/10/2014, hạn mức tín dụng 45.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký. Phía nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bị đơn thanh toán, nhưng bị đơn cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 22/12/2017 là 175.522.915 đồng. Ngoài ra bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 23/12/2017 cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ

Ngày 08/4/2019 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có bản tự khai yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 08/4/2019, bao gồm: Trả toàn bộ khoản nợ gốc hợp đồng tín dụng (gọi tắt là HĐTD) số 6705700 là: 49.233.041 đồng và nợ lãi là: 45.298.919 đồng; HĐTD số 325-P-610114 là: 41.849.733 đồng, trong đó: (nợ gốc là 16.864.386 đồng, nợ lãi là 24.985.347 đồng); HĐTD số 325-P-065723 là: 106.312.248 đồng, trong đó: (nợ gốc là 43.337.212 đồng, nợ lãi là 62.975.036 đồng). Tổng cộng bị đơn phải thanh toán ngay cho nguyên đơn một lần toàn bộ nợ gốc và lãi vay tạm tính đến ngày 08/4/2019 là 242.693.941 đồng.

Ngoài ra bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng đã ký kể từ ngày 09/4/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập bị đơn đến Tòa án để lấy lời khai nhưng bị đơn không đến Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của bị

đơn tại địa chỉ số 33 (số cũ là 15) P, Phường a, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh được biết “Đương sự Nguyễn Hồng Tâm A, sinh năm 1984 có đăng ký thường trú tại số 33 (số cũ là 15) P, Phường a, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không cư ngụ tại địa phương và đi đâu không rõ.”

Tòa án ra quyết định yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi ở mới của bị đơn theo quyết định số 257/2018/QĐ- CCTLCC ngày 07/5/2018 và ngày 11/5/2018 đại diện nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bị đơn là số 16 đường B, phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú mới của bị đơn tại địa chỉ số 16 đường B, phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, được biết “Đương sự Nguyễn Hồng Tâm A, sinh năm 1984 không có đăng ký thường trú và tạm trú tại số 16 đường B, phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự Anh hiện là nhân viên công ty cổ phần xây dựng Thành Đô tại địa chỉ trên.”

Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 23/5/2018 Tòa án nhân dân quận Gò Vấp ra quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 52/2018/QĐST- DS đến Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền

Tuy nhiên ngày 31/7/2018, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 1436/2018/QĐST- DS cho Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về thẩm quyền theo lãnh thổ.

Vì vậy Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý vụ án và tiến hành niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn tại địa chỉ số 331/38/11 (cũ là số 15/2V) Phan Huy Ích, phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và tổng đạt cho bị đơn tại địa chỉ số 16 đường B, phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn hợp lệ theo quy định pháp luật. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn đại diện bởi ông Võ Lê Chính Trung có đơn xin vắng mặt tuy nhiên ông vẫn bảo lưu bản tự khai và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và yêu cầu buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi vay tạm tính đến hết ngày 08/4/2019 là 242.693.941 đồng cho nguyên đơn bao gồm: Trả toàn bộ khoản nợ gốc HĐTD số 6705700 là: 49.233.041 đồng và nợ lãi là: 45.298.919 đồng; HĐTD số 325-P-610114 là: 41.849.733 đồng, trong đó: (nợ gốc là 16.864.386 đồng, nợ lãi là 24.985.347 đồng;) ; HĐTD số 325-P-065723 là: 106.312.248 đồng, trong đó:(nợ gốc là 43.337.212 đồng, nợ lãi là 62.975.036 đồng) .

Ngoài ra bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại các hợp đồng đã ký kể từ ngày 09/4/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 6705700; số 325-P-610114 và số 325-P-065723 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn có nơi cư trú tại số 331/38/11 (15/2V) Phan Huy Ích, Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng : Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*Về nợ gốc:

Căn cứ vào giấy đề nghị ký phát hành thẻ kiêm hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế với mức đề nghị vay số tiền 30.000.000 đồng ngày 06/10/2014 và 18.000.000 đồng ngày 28/10/2015 và ngày 16/3/2016, ông Anh lại có đơn đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng để

ngiht vay vón kiêm hợ đống tín dụng với số tiền vay 57.100.000 đống. Hợ đống đợc mang số 6705700 giải ngân ngày 22/3/2016; Hợ đống thẻ tín dụng đợc đánh số thứ tự 325-P-610114 mở ngày 03/11/2015 và hợ đống thẻ tín dụng đợc đánh số thứ tự 325-P-065723 mở ngày 08/10/2014 đã ký giữa nguyên đơn với bị đơn cũng như trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay cho thấy việc giao kết hợ đống tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợ đống là sự tự nguyện thỏa thuận và phù hợ với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và đợc sửa đổi bổ sung năm 2017 và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

Ngay sau khi ký hợ đống bị đơn đã nhận đủ tiền vay của Hợ đống tín dụng số 6705700; Hợ đống thẻ tín dụng đợc đánh số thứ tự 325-P-610114 và hợ đống thẻ tín dụng đợc đánh số thứ tự 325-P-065723.

-Đối với hợ đống tín dụng số 6705700, Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 7.866.959 đống còn lại 49.233.041 đống chưa thanh toán. Tuy nhiên cho đến nay bị đơn không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho nguyên đơn. Theo thỏa thuận trong hợ đống đã ký bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 36 kỳ, như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợ đống đã ký kết.

-Đối với hợ đống thẻ tín dụng số 325-P-610114 bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền nợ gốc là 16.864.386 đống, bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn ;

-Đối với hợ đống thẻ tín dụng số 325-P-065723 bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền nợ gốc là 43.337.212 đống bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn.

Căn cứ vào Điều 1.2 của giấy phát hành kiêm hợ đống sử dụng thẻ quy định nghĩa vụ của chủ thẻ : “Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho ngân hàng số dư nợ sao kê theo sao kê ngân hàng lập và gửi cho chủ thẻ. Trong trường hợ chủ thẻ không nhận đợc sao kê do ngân hàng gửi, chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản phải trả trong kỳ.”

Căn cứ vào Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015 về thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên vay có nghĩa vụ : “ Nghĩa vụ trả tiền phải đợc thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận... nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc”

Căn cứ vào Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và đợc sửa đổi bổ sung năm 2017; Bản tự khai ngày 08/4/2019 và đối chiếu bảng chi tiết tính lãi tiền vay quá hạn đến hết ngày 08/4/2019 thì yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc của 03 hợ đống là 109.434.639 đống là có cơ sở. Từ những căn cứ nêu trên Hội đống xét xử buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc của 03 hợ đống là 109.434.639 đống cho nguyên đơn.

***Về nợ lãi:**

Căn cứ vào bản tự khai ngày 08/4/2019 và đối chiếu bảng chi tiết tính lãi tiền vay quá hạn đến hết ngày 08/4/2019 thì yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền lãi:

-Đối với hợp đồng tín dụng 6705700 ngày 22/3/2016 tạm tính từ ngày 23/4/2016 đến ngày 08/4/2019 với lãi suất 25%/ năm là 54.018.427 đồng (trong đó lãi quá hạn là 14.507.336 đồng). Bị đơn đã trả 8.719.508 đồng tiền lãi cho nguyên đơn, như vậy bị đơn còn phải trả lãi là 45.298.919 đồng theo lãi suất theo thỏa thuận của hợp đồng là 25.50%/ năm.

-Đối với hợp đồng tín dụng 325-P-610114, tạm tính từ ngày 21/7/2016 đến ngày 08/4/2019 với lãi suất 35,88%/năm là 24.985.347 đồng (trong đó lãi quá hạn là 8.328.449 đồng)

- Đối với hợp đồng tín dụng 325-P-065723, tạm tính từ ngày 09/8/2016 đến ngày 08/4/2019 với lãi suất 35,88%/năm là 62.975.036 đồng (trong đó lãi quá hạn là 20.991.679 đồng)

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi của 03 hợp đồng là 133.259.302 đồng tạm tính đến ngày 08/4/2019 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 08/4/2019 là 242.693.941 đồng.

Về tiền lãi suất chậm thi hành án:

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng đã ký kể từ ngày 09/4/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy việc yêu cầu của nguyên đơn hoàn toàn chính đáng căn cứ theo thỏa thuận của hợp đồng mà 2 bên đã ký kết và phù hợp với quy định Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh quy định tại các hợp đồng đã ký kể từ ngày 09/4/2019 trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ .

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền 4.388.073 đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0028812 ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò

Vấp. Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 242.693.941 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí là 12.134.697 đồng.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010, hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng .

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Buộc ông Nguyễn Hồng Tâm A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 08/4/2019 là 242.693.941(*Hai trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn chín trăm bốn mươi một*) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc hợp đồng tín dụng số 6705700 là: 49.233.041 đồng; Nợ lãi hợp đồng tín dụng số 6705700 là: 45.298.919 đồng

+ Nợ gốc hợp đồng tín dụng số 325-P-610114 là : 16.864.386 đồng; Nợ lãi hợp đồng tín dụng số 325-P-610114 là 24.985.347 đồng

+ Nợ gốc hợp đồng tín dụng số 325-P-065723 là: 43.337.212 đồng; Nợ lãi hợp đồng tín dụng số 325-P-065723 là: 62.975.036 đồng.

Ông Nguyễn Hồng Tâm A phải thanh toán tiền lãi phát sinh quy định tại các hợp đồng đã ký kể từ ngày 09/4/2019 trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.

-Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

-Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

-Ông Nguyễn Hồng Tâm A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.134.697(*Mười hai triệu một trăm ba tư ngàn sáu trăm chín mươi bảy*) đồng

-Hoàn lại số tiền 4.388.073 đồng (*bốn triệu ba trăm tám mươi tám ngàn không trăm bảy mươi ba đồng*) là tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương

mại cổ phần Việt Nam T theo biên lai thu số AA/2017/0028812 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA dân sự Q Gò Vấp;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ ĐÓNG DẤU VÀ KÝ TÊN